

Số: 03^b/QĐ-VP

Giao Phúc, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố công khai: Thực hiện Dự toán chi NSNN quý IV năm 2025
của Văn phòng HĐND và UBND xã Giao Phúc**

VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ GIAO PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT – BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND xã Giao Phúc về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 sau sắp xếp;

Theo đề nghị của công chức kế toán Văn phòng HĐND và UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán chi thường xuyên NSNN quý IV năm 2025 của Văn phòng HĐND và UBND xã Giao Phúc

(theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ công chức Văn phòng HĐND và UBND xã và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND xã (để b/c);
- UBND xã (để b/c);
- Lưu VT.

**TM. VĂN PHÒNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đỗ Văn Nguyên

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND xã Giao Phúc **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Chương: 830 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Giao Phúc, ngày 12 tháng 01 năm 2026

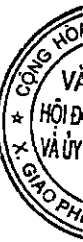
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VP ngày 12/01/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Giao Phúc)

Văn phòng HĐND và UBND xã Giao Phúc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	72.691,688	28.448,144	39,14%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	72.691,688	28.448,144	39,14%	
1	Chi quản lý hành chính	27.842,028	6.842,745	24,58%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	20.780,121	6.842,745	32,93%	
1.3	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo NĐ178	7.061,908	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0	0	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.376,815	6.857,432	92,96%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	828,340	432,790	52,25%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.548,475	6.424,643	98,11%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	183,020	0,000	0,00%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	183,020	0	0	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	26.168,854	12.289,139	46,96%	



5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	21.830,254	11.014,739	50,46%	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.338,600	1.274,400	29,37%	
6	Chi hoạt động kinh tế	5.273,814	715,136	13,56%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.273,814	715,136	13,56%	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.367,029	508,116	37,17%	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.367,029	508,116	37,17%	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	656,977	38,325	5,83%	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	656,977	38,325	5,83%	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	352,816	91,111	25,82%	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	352,816	91,111	25,82%	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	166,000	152,250	91,72%	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	166,000	152,250	91,72%	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
11	Chi sự nghiệp quốc phòng an ninh	3.304,336	953,889	28,87%	
11.1	Kinh phí đảm bảo ANTT, an toàn xã hội	1.410,881	270,225	19,15%	
11.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng	1.893,455	683,665	36,11%	
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	

Giao Phúc, ngày tháng năm 2026

Chủ trương đơn vị

(Chữ ký, đóng dấu)



Đỗ Văn Nguyên